

NGHỊ QUYẾT

**Về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và
lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ
Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;*

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 2235/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo Thẩm tra số 481/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- Nghị quyết này áp dụng đối với các dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

- Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường.

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền tổ chức thu phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thuộc

đối tượng cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức thu phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thuộc đối tượng cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

Điều 2. Mức phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường

1. Mức phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường được quy định như sau:

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

Đối tượng	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố		Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	
	Cấp/Cấp lại	Điều chỉnh	Cấp/Cấp lại	Điều chỉnh
Đối tượng 1	13.500.000	5.800.000	-	-
Đối tượng 2	9.600.000	5.800.000	-	-
Đối tượng 3	19.300.000	5.800.000	9.600.000	3.500.000
Đối tượng 4	5.800.000	5.800.000	3.500.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	4.200.000	4.200.000	3.500.000

Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

Đối tượng 5: Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Mức phí nêu trên tính theo lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải, việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

Điều 3. Đối tượng miễn, giảm phí

Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

Điều 4. kê khai, thu, nộp, quyết toán phí

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Phí được nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải nộp số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí.

Điều 5. Quản lý, sử dụng phí

Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí và các quy định hiện hành.

Điều 6. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

1. Khi xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm, các tổ chức thu phí căn cứ các quy định và phân cấp ngân sách hiện hành để xây dựng

dự toán kinh phí phục vụ công tác thu phí gửi Sở Tài chính cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Đối với quận, huyện, thành phố Thủ Đức: hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện công tác thẩm định cấp Giấy phép môi trường gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức bố trí kinh phí từ nguồn dự toán Thành phố đã bố trí đầu năm cho quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo thu đúng, thu đủ, công khai, minh bạch và kịp thời. Có báo cáo tình hình thực hiện thu phí với cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền và Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực HĐND TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng UBND TP.HCM;
- Sở, ban, ngành TP.HCM;
- Trung tâm công báo TP.HCM;
- TT. HĐND thành phố Thủ Đức và 5 huyện;
- UBND, UBMTTQVN TP Thủ Đức và 21 quận, huyện;
- Lưu: VT, BĐT, Thanh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ